

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC THỦY  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ - ST  
Ngày: 23/5/2025  
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình  
và con chung.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Vũ Hải Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Khánh; Ông Bùi Hữu Thành.

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Đỗ Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện L, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2025/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp hôn nhân gia đình và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2025 giữa:

*Nguyên đơn:* chị Bùi Thị T, sinh năm 1987. (Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt)

Trú tại: xóm K, xã B, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

*Bị đơn:* anh Quách Tất C, sinh năm 1985. (Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt)

Trú tại: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

*Người làm chứng:*

+ Ông Bùi Toàn T1, sinh năm 1966; bà Quách Thị Q, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị T và anh Quách Tất C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (Nay là UBND xã T), huyện L, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2006 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình hạnh phúc được

13 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường sử dụng rượu rồi về đánh đập vợ con. Chị T đã phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng nhiều lần anh C không thay đổi, nên tình cảm vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung. Mâu thuẫn trầm trọng, không hòa giải được nên vào năm 2019 chị T đã đưa con gái là Quách Thị C1 về nhà bố mẹ đẻ tại xóm K, xã B, huyện L, tỉnh Hòa Bình sinh sống và sống ly thân với anh C từ đó tới nay. Từ khi sống ly thân chị T và anh C không ai quan tâm đến ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quách Tất C.

Về con chung: Chị và anh Quách Tất C có 03 con chung là Quách Thị C1, sinh ngày 17/6/2009; Quách Tất Q1, sinh ngày 25/10/2011 và Quách Tất T2, sinh ngày 13/6/2016. Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con là cháu Quách Thị C1. Về cấp dưỡng nuôi con: chị chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao hai con là Quách Tất Q1 và Quách Tất T2 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Quách Tất C trình bày:*

Anh C xác định lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đúng. Chị T đã kiên quyết giữ ý kiến ly hôn vì tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung: Quách Thị C1, sinh ngày 17/6/2009; Quách Tất Q1, sinh ngày 25/10/2011 và Quách Tất T2, sinh ngày 13/6/2016. Ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi 02 con là Quách Tất Q1 và Quách Tất T2, anh chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về tài sản chung: Anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Quách Tất C. Về con chung: chị T và anh C có 03 con chung: Quách Thị C1, sinh ngày 17/6/2009; Quách Tất Q1, sinh ngày 25/10/2011 và Quách Tất T2, sinh ngày 13/6/2016. Giao con chung là

Quách Thị C1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Giao con chung là Quách Tất Q1, Quách Tất T2 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về công nợ chung chị T, anh C chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về án phí: Chị Bùi Thị T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Chị Bùi Thị T khởi kiện ly hôn bị đơn là anh Quách Tất C đang cư trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Chị T và anh C vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các điều 227, 228 và 238 BLTTDS, xét xử vắng mặt chị T và anh C.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

\* Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Quách Tất C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã A (Nay là UBND xã T), huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/11/2006, theo quy định tại điều 8, điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: chị Bùi Thị T và anh Quách Tất C kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2006. Trong cuộc sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đỉnh điểm của mâu thuẫn vào năm 2019 chị T đã không chung sống cùng anh C và mang con là Quách Thị C1 về nhà bố mẹ đẻ tại xóm K, xã B, huyện L, tỉnh Hòa Bình sinh sống và sống ly thân với anh C từ đó tới nay. Từ khi sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị T với anh Quách Tất C.

\* Về con chung: chị Bùi Thị T và anh Quách Tất C có 03 con chung: Quách Thị C1, sinh ngày 17/6/2009; Quách Tất Q1, sinh ngày 25/10/2011 và Quách Tất T2, sinh ngày 13/6/2016. Ly hôn, chị T và anh C đều có quan điểm: Giao con chung là Quách Thị C1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Quách Tất Q1, Quách Tất T2 cho anh C

trực tiếp nuôi dưỡng và tại Bản tự khai cũng như Biên bản lấy lời khai của các cháu C1, T2, Q1 đều có nguyện vọng như ý kiến của chị T, anh C. Xét quan điểm của các bên là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh C chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

\* Về tài sản chung và công nợ chung: chị T, anh C có quan điểm về tài sản chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, về công nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí:** chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, **khoản 1 Điều 228**, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 39 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **- Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T, tuyên xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Quách Tất C.

#### **2. Về con chung:**

Giao con chung là Quách Thị C1, sinh ngày 17/6/2009 cho chị Bùi Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao hai con chung là Quách Tất Q1, sinh ngày 25/10/2011 và Quách Tất T2, sinh ngày 13/6/2016 cho anh Quách Tất C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị T, anh C có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh C chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về án phí:** chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002036 ngày 04/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy. Chị T đã nộp đủ án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- Chi cục thi hành án DS huyện Lạc Thủy;
- Các đương sự;
- UBND xã Thống Nhất;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(đã ký)*

**Vũ Hải Dương**



